

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 182/2020/HNST ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Tạ Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.
2. Bà Phạm Kim N, sinh năm 1990; địa chỉ: 128/70 đường Đ, Tổ E, Khu phố F, phường I, Quận K, TP Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2020 như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Kim N và ông Tạ Văn T tiến tới hôn nhân tự nguyện vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh N. Vợ chồng sống hạnh phúc được tám năm, xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và kinh tế khó khăn, cả hai nhiều lần tự hòa giải, cố

gắng khắc phục nhưng không hàn gắn tình cảm được do tình cảm đã hết, nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Phạm Kim N và ông Tạ Văn T có hai con chung là Tạ Ngọc P, sinh ngày 16/4/2012 (nữ) và Tạ Ngọc Anh T, sinh ngày 20/6/2019 (nữ); hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Tạ Ngọc P và Tạ Ngọc Anh T, ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 8.000.000 (bốn triệu) đồng (4.000.000 đồng/01 trẻ/tháng), cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 09/2020.

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông Tạ Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

[4] Nợ chung: Các đương sự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Kim N và ông Tạ Văn T thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, Quyền số 01 ngày 25 tháng 7 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh N cấp không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Bà Phạm Kim N và ông Tạ Văn T có hai con chung là Tạ Ngọc P, sinh ngày 16/4/2012 (nữ) và Tạ Ngọc Anh T, sinh ngày 20/6/2019 (nữ); sau khi ly hôn bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Tạ Ngọc P và Tạ Ngọc Anh T, ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 8.000.000 (bốn triệu) đồng (4.000.000đồng/01 trẻ/tháng), cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông Tạ Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Kim N và ông Tạ Văn T cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0032412 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Kim N và ông Tạ Văn T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND xã H, huyện M, tỉnh N;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT (Tk Duyên).⁽¹⁰⁾.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phơ